FireAnt

CTCP Xây dựng và Giao thông Bình Dương (HSX: BCE)

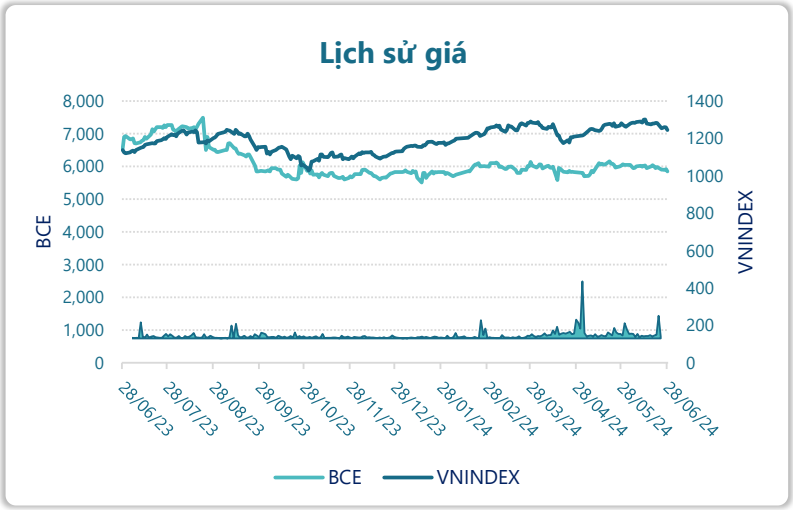

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,850**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,490
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,510
SL cổ phiếu LH	35,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	80,535
% sở hữu nước ngoài	1.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	205
P/E	-45.9
EPS	-127

DT thuần

Q2/24

16.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.00| 56.3%

YoY: ▼11.6| -41.3%

LN sau thuế

Q2/24

-11.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.89| -147%

YoY: ▼9.11| -366%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

-63.4%

+/- YoY: ▼ 65.4%

DT thuần

6T 2024

27.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼8.30| -23.6%

LN sau thuế

6T 2024

-16.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼5.50| -51.0%

ROE

Q2/24

-1.4%

+/- YoY: ▲ 8.3%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

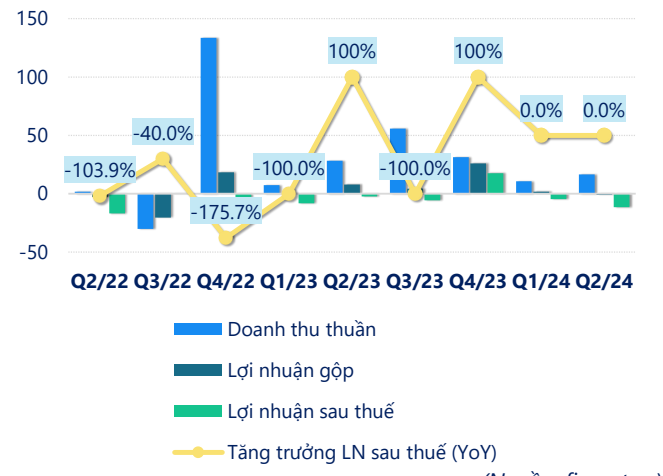

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

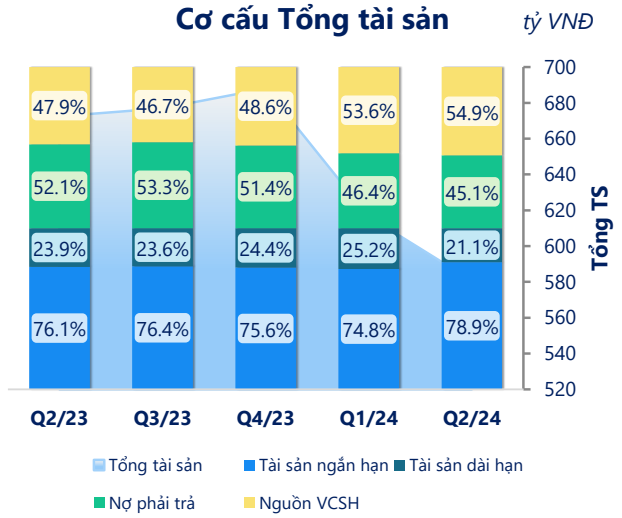

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

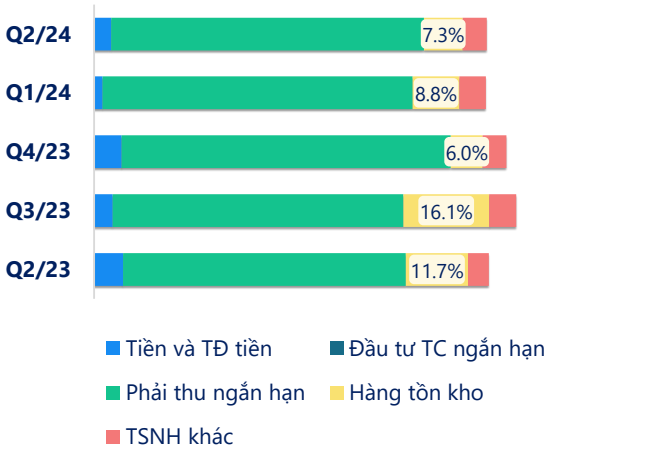

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

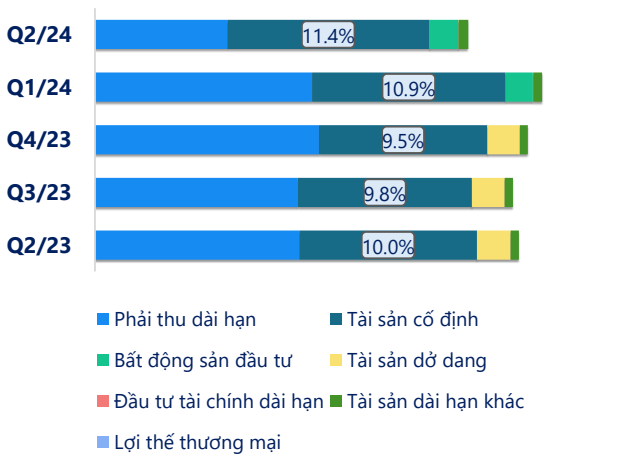

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

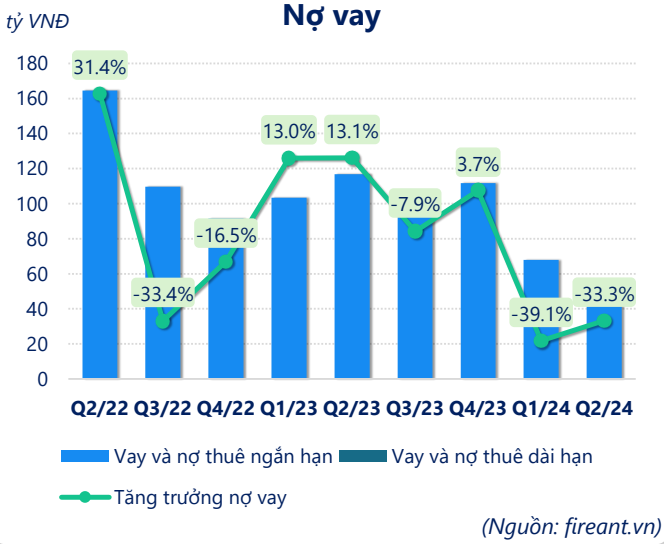

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

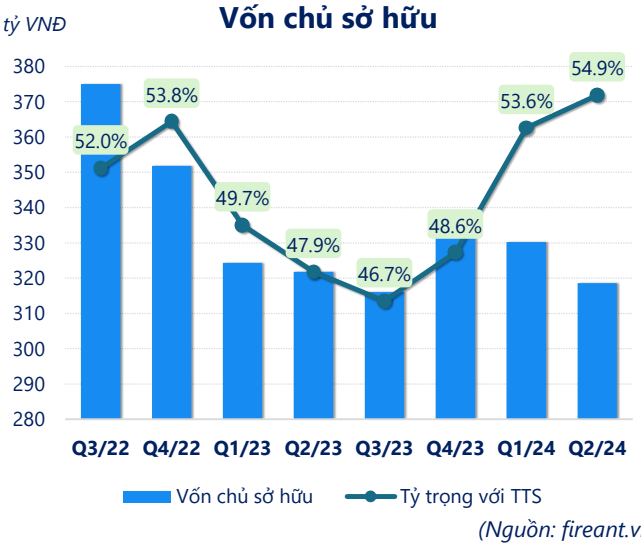

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

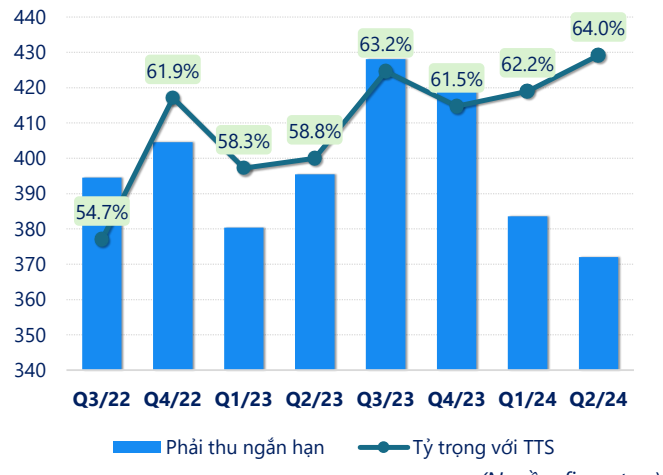

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

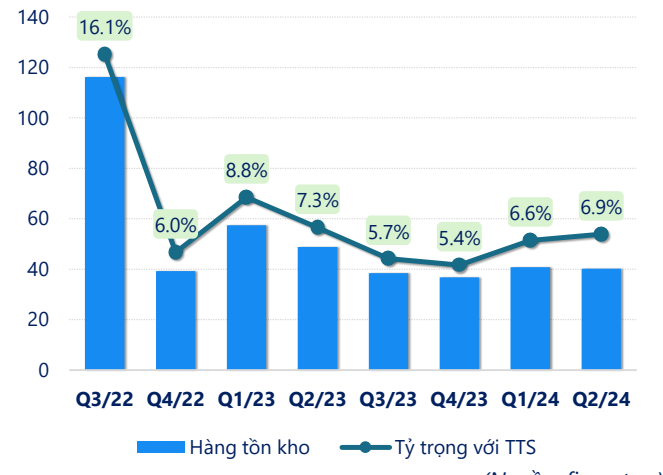

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

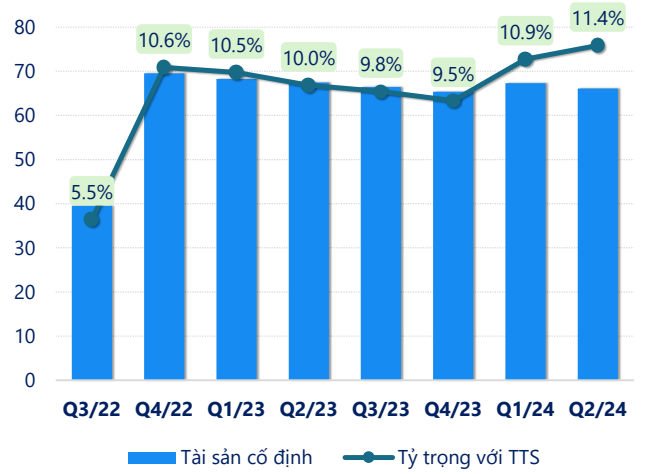

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

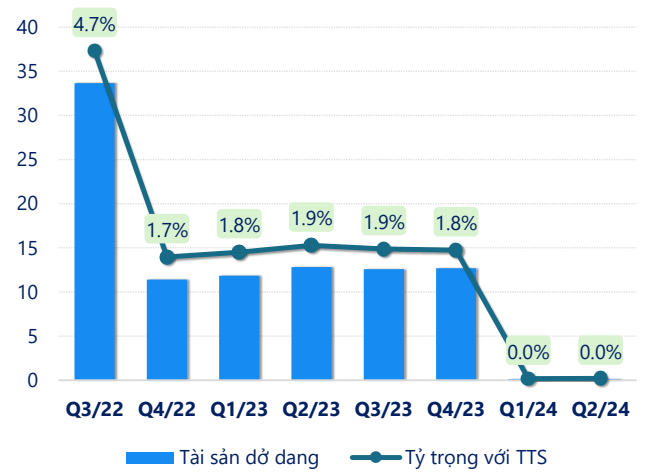

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

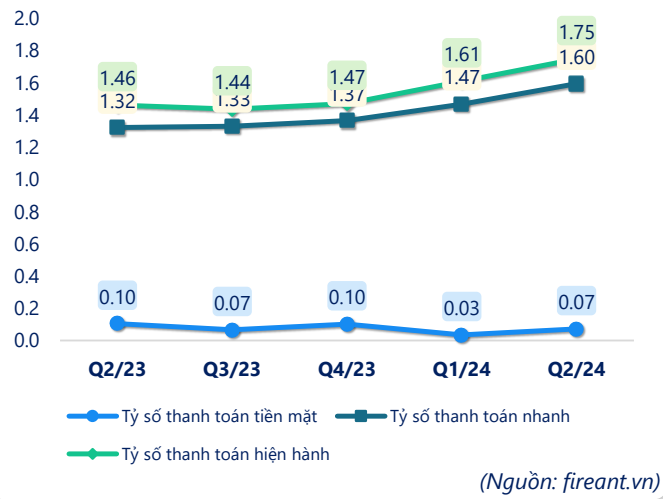

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

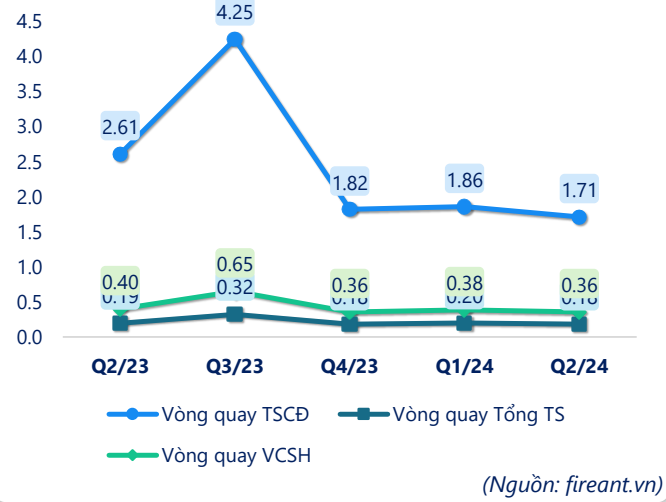

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**672**	**677**	**688**	**616**	**581**
Tài sản ngắn hạn	**512**	**517**	**520**	**461**	**458**
Tiền và tương đương tiền	36.6	23.8	35.8	9.95	18.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	395	428	423	384	372
Hàng tồn kho	48.9	38.5	36.8	40.8	40.2
Tài sản ngắn hạn khác	30.7	27.0	24.6	26.6	27.5
Tài sản dài hạn	**161**	**160**	**168**	**156**	**122**
Phải thu dài hạn	77.5	77.5	86.9	75.5	43.4
Tài sản cố định	67.4	66.4	65.4	67.3	66.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	9.51	9.51
Tài sản dở dang	12.8	12.6	12.7	0.14	0.14
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.15	3.12	3.10	3.08	3.25
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**351**	**361**	**354**	**286**	**262**
Nợ ngắn hạn	**350**	**360**	**354**	**286**	**262**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	117	108	112	68.0	45.3
Phải trả người bán ngắn hạn	122	116	108	120	115
Nợ dài hạn	0.83	0.83	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**322**	**316**	**335**	**330**	**319**
Vốn chủ sở hữu	**322**	**316**	**335**	**330**	**319**
Vốn điều lệ	350	350	350	350	350
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)